TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2023
V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sơn Thanh Bình.

2. Ông Lý Thanh Chiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 237/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022, về việc: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N; địa chỉ: ấp N1, Thị trấn H1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phan Trí H; địa chỉ: ấp N1, Thị trấn H1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 11 năm 2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:*

Vào năm 2006, chị N và anh H tự nguyện tổ chức đám cưới, sau đó sống chung như vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Sau khi đám cưới, chị N và anh H sống chung hạnh phúc được một thời gian thì giữa chị N và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến

cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên chị N và anh H không còn sống chung.

Trong thời gian sống chung, chị N và anh H có 02 (Hai) con chung tên Phan Thị Bích N2, sinh ngày 19-12-2007 và Phan Trí T, sinh ngày 10-6-2015, hiện tại các con chung đang sống cùng với chị N. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị N và anh H là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên Phan Thị Bích N2, sinh ngày 19-12-2007 và Phan Trí T, sinh ngày 10-6-2015 cho đến khi các con chung đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh Phan Trí H:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, không đến Tòa án làm việc và tham gia tố tụng tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên các đương sự không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành nghiêm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên xử không công nhận chị N và anh H là vợ chồng; về con chung giao các con chung tên Phan Thị Bích N2, sinh ngày 19-12-2007 và Phan Trí T, sinh ngày 10-6-2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn chị N phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị N khởi kiện anh H để yêu cầu không công nhận vợ chồng và được quyền trực tiếp nuôi con chung, nhưng không yêu cầu giải

quyết về tài sản chung và nợ chung nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân, trong quá trình giải quyết vụ án, chị N trình bày: giữa chị N và anh H tự nguyện đám cưới và sống chung như vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Sau khi đám cưới, chị N và anh H sống chung hạnh phúc được một thời gian thì giữa chị N và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống không còn hạnh phúc, hiện nay chị N và anh H không còn tình cảm và cũng không còn sống chung với nhau. Đối chiếu Đơn xin xác nhận ngày 17-11-2022 của chị Nguyễn Thị N có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã m1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng xác nhận chị N và anh H không có đăng ký kết hôn. Từ đó, có cơ sở xác định chị N và anh H sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn là sự thật. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng", đồng thời, tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này…". Như vậy, chị N và anh H sống chung với nhau như vợ chồng, mặc dù đủ điều kiện kết hôn nhưng không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Từ đó, chị N yêu cầu không công nhận chị N và anh H là vợ chồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung, theo chị N trình bày: Trong thời gian sống chung, chị N và anh H có 02 (Hai) con chung tên Phan Thị Bích N2, sinh ngày 19-12-2007 và Phan Trí T, sinh ngày 10-6-2015, hiện tại các con chung đang sống cùng với chị N và do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi chị N và anh H không còn sống chung nên chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi. Theo khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền, nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh H không có thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con. Mặc khác, từ khi thụ lý vụ án anh H không có văn bản nêu ý kiến về việc yêu cầu nuôi con của chị N và hiện tại các con chung đang sống cùng với chị N và có nguyện vọng sống cùng với chị N. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N là quyết định giao cho

chị N tiếp tục nuôi dưỡng các con chung tên Phan Thị Bích N2, sinh ngày 19-12-2007 và Phan Trí T, sinh ngày 10-6-2015 cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng, theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con"*. Xét thấy, kể từ khi chị N và anh H không còn sống chung với nhau, các con chung sống cùng với chị N vẫn được chăm sóc, nuôi dưỡng bảo đảm các quyền lợi về mọi mặt. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Từ đó, có căn cứ cho rằng chị N có đầy đủ các điều kiện kinh tế chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đảm bảo các quyền lợi về mọi mặt nên Hội đồng xét xử quyết định anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm, chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Phan Trí H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên Phan Thị Bích N2, sinh ngày 19-12-2007 và Phan Trí T, sinh ngày 10-6-2015 cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi.

Anh Phan Trí H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phan Trí H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003501 ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND TT H1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Minh Luân